

Số: 3005 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 11 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-BKHCN ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1424/SKHCN-VP ngày 16 tháng 11 năm 2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 (Hai) thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế (*Phần I. Danh mục thủ tục hành chính*).

**Điều 2.** Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Cập nhật Danh mục thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Niêm yết, công khai thủ tục hành chính này trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC này (nếu có);

- Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. (*Phần II. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính*).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

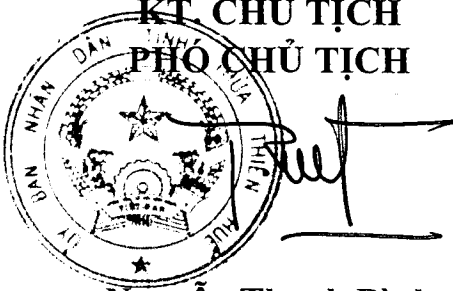
Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng có số thứ tự 42, 43 tại Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - VP Chính phủ (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, HCC.

**KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Bình**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm và Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Công bố sử dụng dấu định lượng (2.000212)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 01 Lê Lai, thành phố Huế. - Nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 43/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2014/TT- BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	Thủ tục Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng (1.000449)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

## **Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **1. Công bố sử dụng dấu định lượng**

#### **1.1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ của cơ sở

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

+ Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản công bố, nếu bản công bố chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) thông báo bằng văn bản cho cơ sở những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh.

+ Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày Chi cục Chi cục TCĐLCL gửi thông báo, nếu cơ sở không bổ sung bản công bố đầy đủ, đúng quy định, Chi cục Chi cục TCĐLCL có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với bản công bố này.

- Bước 2: Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận các bản công bố đầy đủ, đúng quy định, Chi cục TCĐLCL ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào hai (02) bản công bố của cơ sở và gửi lại một (01) bản cho cơ sở đó.

- Bước 3: Trả kết quả

Tổ chức, cá nhân mang theo Phiếu tiếp nhận và hẹn trả hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để nhận kết quả.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Nơi tiếp nhận:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế.

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (theo Mẫu 1. CBCLĐL kèm theo sau TTHC).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, Tổ chức.

#### **1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

**1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn của cơ sở được Chi cục Tiêu

chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Thừa Thiên Huế xác nhận và đóng dấu tiếp nhận (theo Mẫu 1. CBDĐL tại Phụ lục V ban hành kèm theo thông tư 21/2014/TT-BKHCN).

**1.8. Phí, lệ phí:** Không.

**1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (theo Mẫu 1.CBCLĐL kèm theo).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

**\* Yêu cầu đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn:** Quy định tại Điều 10, Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN. Cụ thể:

(1). Được thành lập theo quy định của pháp luật.

(2). Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

(a) Có đủ phương tiện định lượng hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn), phương tiện đo để tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở thực hiện tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn); các phương tiện đo được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

(b) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều 10, Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN.

(3). Có đủ nhân viên kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường quy định tại Khoản 4 Điều 10, Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN.

(4). Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, phương tiện định lượng, việc thực hiện phép đo (sau đây viết tắt là biện pháp kiểm soát về đo lường) để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

(5). Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (do cơ sở tự đánh giá hoặc do cơ quan chứng nhận quy định tại Điều 16 của Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN được cơ sở thuê thực hiện).

**\* Yêu cầu đối với cơ sở nhập khẩu hàng đóng gói sẵn:** Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn theo quy định tại Khoản 2 Điều 11, Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Đo lường năm 2011;

- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG**  
**TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN**

Số: .....

Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email:

.....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):

.....

Địa chỉ nơi sản xuất (nếu khác với trụ sở chính) hoặc nơi nhập khẩu: .....

.....

...

**CÔNG BỐ**

Sử dụng dấu định lượng “V” trên nhãn hàng đóng gói sẵn sau đây:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định (Q <sub>n</sub> )	Khối lượng bao bì

**Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất**  
**lượng tỉnh ..... đã tiếp nhận bản**  
**công bố. Lần tiếp nhận: .....**

....., ngày ... tháng ... năm ...

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đứng đầu cơ sở sản xuất**  
**(nhập khẩu)**

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

*Ghi chú: Bản công bố này gồm 02 bản, Cơ sở giữ 01 bản và Chi cục lưu 01 bản.*

## **2. Thủ tục điều chỉnh nội dung công bố sử dụng dấu định lượng**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Cơ sở sử dụng dấu định lượng khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của bản công bố đã được tiếp nhận nộp bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nhận hồ sơ, xem xét, thẩm định theo quy định:

+ Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào bản công bố của cơ sở.

#### **Bước 3:** Trả kết quả

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trả hồ sơ giấy cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ sở nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc theo đường bưu điện.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Nơi tiếp nhận:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

- Số lượng hồ sơ: 01 bản

**2.4. Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 05 ngày làm việc.

**2.5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

### **2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 1.

**2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

**2.8. Lệ phí:** Không

**2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên

nhãn hàng đóng gói sẵn (Mẫu kèm theo).

### **2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở đáp ứng các điều kiện sau đây được chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn.

#### **a. Đối với cơ sở sản xuất**

(1) Được thành lập theo quy định của pháp luật.

(2) Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

(a) Có đủ phương tiện định lượng hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn), phương tiện đo để tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở thực hiện tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn); các phương tiện đo được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

(b) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu quy định.

(3) Có đủ nhân viên kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường quy định.

(4) Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, phương tiện định lượng, việc thực hiện phép đo (sau đây viết tắt là biện pháp kiểm soát về đo lường) để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

(5) Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở tự đánh giá hoặc do cơ quan chứng nhận theo quy định được cơ sở thuê thực hiện).

#### **b. Đối với cơ sở nhập khẩu**

(1) Phải thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

(2) Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

### **2.11. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011
- Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG**  
**TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN**

Số: .....

Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email:  
.....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):  
.....

Địa chỉ nơi sản xuất (nếu khác với trụ sở chính) hoặc nơi nhập khẩu:  
.....

**CÔNG BỐ**

Sử dụng dấu định lượng “V” trên nhãn hàng đóng gói sẵn sau đây:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định (Q <sub>n</sub> )	Khối lượng bao bì

**Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh .....** đã tiếp nhận bản công bố. Lần tiếp nhận: .....  
....., ngày ... tháng ... năm ...  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**Người đứng đầu cơ sở sản xuất**  
**(nhập khẩu)**  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

*Ghi chú: Bản công bố này gồm 02 bản, Cơ sở giữ 01 bản và Chi cục lưu 01 bản.*